

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

● KIM HƯƠNG TRANG - NÔNG THỊ QUỲNH THƯ

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các ngành trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 3/2020 đến tháng 3/2021. Kết quả nghiên cứu lần lượt cho thấy ảnh hưởng ngắn hạn và dài hạn của các yếu tố vĩ mô như tỷ giá, giá dầu, giá vàng và các biến đại diện cho tác động của đại dịch Covid-19 như số ca mắc mới, số ca hồi phục hay số ca tử vong đến TTCK Việt Nam. Từ đó, tác giả kiến nghị những chính sách nhằm kịp thời kiểm soát và bảo vệ TTCK Việt Nam trước những sự kiện bất thường như đại dịch Covid-19, đồng thời giúp nhà đầu tư nhận định được xu hướng biến động của TTCK Việt Nam và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

Từ khóa: Covid-19, thị trường chứng khoán, chỉ số ngành, Việt Nam, ARDL.

1. đặt vấn đề

Việt Nam là một trong những quốc gia có TTCK đang trong giai đoạn phát triển nhanh chóng trên thế giới (Nguyên và cộng sự, 2017), với số lượng cổ phiếu được niêm yết trên TTCK Việt Nam đã tăng từ 2 đến 749 trong khoảng thời gian từ năm 2000 - 2018 (Ngân hàng Thế giới, 2020).

Tuy nhiên, sự lan rộng nhanh chóng của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng đối với hệ thống tài chính và nền kinh tế toàn thế giới (Bakas và Triantafyllou, 2020; Goodell, 2020). Ở Hoa Kỳ (US), chỉ số S&P 500, DJI Average và Nasdaq đã giảm đáng kể cho đến khi Chính phủ phát hành Đạo luật Viện trợ, Cứu trợ và An ninh Kinh tế Coronavirus liên bang (CARES), ba chỉ số này đã tăng lần lượt là 7,3%; 7,73%, và 7,33%. Tại TTCK Việt Nam, theo thống kê của Công ty chứng khoán VNDirect, chỉ số

chứng khoán Việt Nam giảm mạnh trên thế giới với VN-Index lao dốc 73,23 điểm (-6,67%), lùi về mốc 1.023,94 điểm, là phiên có tỷ lệ giảm mạnh nhất trong 20 năm TTCK. Với mức tăng trưởng gần 60%, TTCK Việt Nam đã có sự phục hồi với tốc độ nhanh chóng trong nửa cuối năm 2020. Song đến năm 2021, đại dịch vẫn chưa được dập tắt triệt để trên khắp thế giới, cùng với dự báo lạm phát có thể tăng cao trong quý 2/2021, nhà đầu tư phải đối diện với khả năng đại dịch Covid-19 tiếp tục quay trở lại và gây ra những tác động không lường trước được đến TTCK.

Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về tác động của đại dịch Covid-19 đến TTCK, tiêu biểu như: Ashraf (2020), Goodell (2020). Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã trải qua ba đợt sóng Covid-19 gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình hoạt động của từng ngành trên

TTCK trong nước, tuy nhiên vẫn chưa có một nghiên cứu nào được thực hiện tại Việt Nam về vấn đề này.

Do vậy, bài nghiên cứu “Phân tích ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến thị trường chứng khoán Việt Nam” nhằm đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các ngành trên TTCK Việt Nam thông qua các biến số: tỷ giá hối đoái, giá dầu, giá vàng, vốn hoá thị trường, số ca nhiễm và số ca hồi phục Covid-19 trong giai đoạn từ tháng 3/2020 đến tháng 3/2021; từ đó đề xuất các chính sách nhằm nâng cao khả năng chịu đựng rủi ro và phục hồi của TTCK Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Tỷ giá hối đoái: Rittenberg (1993) sử dụng phép thử nhân quả Granger tại thị trường Thổ Nhĩ Kỳ và kết luận tác động của sự thay đổi mức giá đến sự thay đổi tỷ giá hối đoái nhưng không đúng với trường hợp ngược lại. Tại Việt Nam, Nguyễn Ngọc Trà và cộng sự (2020) tiếp tục chỉ ra kết quả không nhất quán, trong đó, tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số chứng khoán và tích cực đến sự thay đổi của chỉ số VN và lợi nhuận của chỉ số HNX.

Giá dầu: Các nghiên cứu về mối quan hệ của giá dầu và TTCK chỉ ra kết luận chung cho các quốc gia nhập khẩu dầu rằng khi giá dầu tăng cao sẽ ảnh hưởng đáng kể đến tỷ giá và tỷ lệ lạm phát trong nước, từ đó sẽ gây tác động tiêu cực đến TTCK (Giri và Joshi, 2017). Kết quả tương tự được đưa ra trong nghiên cứu của Trần Huy Hoàng (2017) thực hiện trên TTCK Việt Nam. Trong khi đó, Sahu và cộng sự (2014) nhận thấy giá dầu có tác động tích cực trong dài hạn đến sự chuyển động của các chỉ số TTCK.

Giá vàng: Tursoy & Faisal (2018) đưa ra bằng chứng cho thấy mối tương quan ngược chiều giữa mức độ biến động giá vàng tới chỉ số trên TTCK. Cùng kết quả với các nghiên cứu nước ngoài kể trên, Trương Đông Lộc (2014) cũng chứng minh được biến động của giá vàng có tương quan nghịch biến với tỷ suất sinh lợi của các cổ phiếu được niêm yết trên sàn giao dịch HOSE. Ngược lại, Trần Huy Hoàng và Trịnh Hữu Hạnh (2019) đưa ra kết luận giá vàng thế giới có mối tương quan cùng chiều và giá vàng trong nước có mối tương quan ngược chiều với chỉ số trên TTCK Việt Nam.

Vốn hóa thị trường: Dmitry và Kaspar (2020) đã nghiên cứu các xu hướng trong dài hạn của vốn hóa TTCK với dữ liệu hàng năm mới của 17 nền kinh tế tiên tiến. Kết quả kiểm định cho thấy rằng tỷ lệ vốn hóa TTCK trên GDP gần như không đổi vào những năm 1870 đến 1980, sau đó, tỷ lệ này đã tăng gấp 3 lần do có sự xuất hiện của “Vụ nổ lớn” vào những năm 1980 và 1990. Từ đó, tỷ lệ này vẫn duy trì ở mức cao cho đến ngày nay.

Dựa trên cơ sở các nghiên cứu trên, chúng tôi đề xuất các giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết 1: Khi số ca mắc nhiễm Covid-19 mới tăng sẽ tác động âm đến chỉ số chứng khoán VNI.

Giả thuyết 2: Khi số ca hồi phục tăng sẽ tác động dương đến chỉ số chứng khoán VNI.

Giả thuyết 3: Khi số ca tử vong do Covid-19 tăng sẽ tác động âm đến chỉ số chứng khoán VNI.

Giả thuyết 4: Giá vàng tác động ngược chiều đến chỉ số chứng khoán VNI.

3. Phương pháp nghiên cứu

Kế thừa các nghiên cứu đi trước, chúng tôi đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

$$\begin{aligned} \Delta VNI_t = & \alpha + y_1 newc_{t-1} + y_2 death_{t-1} + y_3 recocase_{t-1} + y_4 rate_{t-1} \\ & + y_5 goldb_{t-1} + y_6 oil_{t-1} + y_7 ADX_{t-1} + y_8 vnicap_{t-1} \\ & + \sum_{t=1}^{\rho_1} \beta_{j0} \Delta newc_{t-1} + \sum_{t=1}^{\rho_2} \beta_{m0} death_{t-1} + \sum_{t=1}^{\rho_3} \beta_{n0} recocase_{t-1} \\ & + \sum_{t=1}^{\rho_4} \beta_{k0} rate_{t-1} + \sum_{t=1}^{\rho_5} \beta_{q0} goldb_{t-1} \\ & + \sum_{t=1}^{\rho_6} \beta_{p0} oil_{t-1} + \sum_{t=1}^{\rho_7} \beta_{g0} ADX_{t-1} + \sum_{t=1}^{\rho_8} \beta_{h0} vnicap_{t-1} + \varepsilon_{t-1} \end{aligned}$$

Trong đó: α là hệ số chặn; ε là sai số; y_1 đến y_8 là các hệ số tương quan trong dài hạn; β_{j0} , β_{m0} , β_{n0} , β_{k0} , β_{p0} , β_{g0} , β_{h0} là các hệ số tương quan ngắn hạn; ρ_1 đến ρ_8 là độ trễ tương ứng với các biến; newc, death, recovecase lần lượt là đại diện các ca nhiễm, ca tử vong và số ca hồi phục sau khi mắc Covid-19 theo ngày; ratem goldb, oil lần lượt là tỷ giá VND/USD, giá vàng, giá dầu thực theo ngày; atr chỉ số biến động theo ngày; vnicap vốn hóa TTCK Việt Nam theo ngày.

Mô hình (2) OLS có độ trễ:

$$Y_t = \alpha + \beta_1 newc_t + \beta_2 death_t + \beta_3 recovecase_t + \beta_4 rate_t + \beta_5 goldb_t + \beta_6 oil_t$$

Trong đó: Y_t là vốn hóa các ngành trên Sàn giao dịch chứng khoán HOSE theo ngày.

- *Biến phụ thuộc:*

+ VNI là VNINDEX phản ánh chỉ số chứng khoán Việt Nam theo ngày.

+ Vốn hóa ngành: Giá trị vốn hóa ngành ở đây lần lượt là giá trị vốn hóa của 10 ngành trên TTCK Việt Nam là dịch vụ tiện ích, năng lượng, nguyên vật liệu, chăm sóc sức khỏe, tài chính, hàng tiêu dùng thiết yếu, công nghệ thông tin, công nghiệp, bất động sản và hàng tiêu dùng theo Chuẩn Phân ngành Toàn cầu (GICS®). Mức độ biến động vốn hóa ngành là thước đo quy mô ngành trong mỗi phiên giao dịch.

- *Biến độc lập:*

+ Newc là số ca mắc Covid-19 mới tại Việt Nam.

+ Death là số ca tử vong do Covid-19 tại Việt Nam.

+ Recovecase là số ca hồi phục sau khi mắc Covid-19 tại Việt Nam.

+ Rate: Tỷ giá thực

= Tỷ giá danh nghĩa*(CPI_{US}/CPI_{VN})

+ Gold: Giá vàng thực

= Giá vàng danh nghĩa*(CPI_{US}/CPI_{VN})

+ Oil: Giá dầu thực

= Giá dầu danh nghĩa*(CPI_{US}/CPI_{VN})

+ ATR: Phạm vi thực được tìm thấy bằng cách sử dụng giá trị cao nhất được tạo bởi một trong ba phương trình: 1) Phạm vi thực = Mức cao nhất của ngày hiện tại trừ mức thấp nhất của ngày hiện tại; 2) Phạm vi thực = Mức cao nhất của ngày hiện tại trừ mức đóng cửa của ngày trước đó; 3) Phạm vi thực = Giá đóng cửa của ngày trước trừ mức thấp nhất của ngày hiện tại. Sau đó, ATR được tạo dưới dạng EMA (được tính bằng cách sử dụng giá trị cao nhất được tìm thấy khi 3 phương trình được giải).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả mô hình VECM

Bảng 1 cho thấy trong phương trình đồng liên kết chỉ có biến OIL và GOLDB là không có sự hiệu chỉnh trong dài hạn mà chỉ có sự hiệu chỉnh trong ngắn hạn. Ở mức ý nghĩa 5%, trong ngắn hạn, tác động của giá dầu đến thị trường là không đáng kể. Còn ở mức ý nghĩa 1%, giá dầu có tác động ngược chiều ở mức 0,44% đến chỉ số chứng khoán.

3.2. Kết quả mô hình ARDL

Sau khi ước tính các hệ số dài hạn, bước cuối cùng trong cách tiếp cận ARDL là phân tích sửa lỗi và ước lượng hệ số chạy ngắn hạn. Trong mô hình, chỉ cần một biến ở một độ trễ hoặc tất cả các biến ở

Bảng 1. Phương trình đồng liên kết VECM

Đồng liên kết	Đồng liên kết 1	P-value
D_VNI(-1)	1.000000	
ATR(-1)	2.695*	(0.70965)
D_GOLDB(-1)	0.000100	(0,00058)
D_RATE(-1)	0.365***	(0.19528)
DEATH(-1)	-5.760*	(104.288)
NEWC(-1)	-6.819*	(0.46873)
OIL(-1)	-0,000581	(0,0000039)
RECOCASE(-1)	-2.704*	(0.71352)
VNICAP(-1)	0,0000349*	(0,000073)
C	76.70911	
R ²	0.909563	
R ² hiệu chỉnh	0.837968	
Sai số tiêu chuẩn	8.481917	
Thống kê F	12.70419	

các độ trễ có ý nghĩa thống kê, chúng ta kết luận biến đó giải thích được cho biến phụ thuộc.

Tốc độ điều chỉnh của ATR, RATE, DEATH, NEWC, OIL RECOCASE, VNICAP về cân bằng lần lượt là 269,5% (2.694923), 36,53 % (0.365344), 576% (-5.760.636), 689,1% (-6.819.152), 270% (-2.705) và 0,00349%. Như vậy, tốc độ hiệu chỉnh của các biến liên quan đến COVID-19 có mức độ hiệu chỉnh trong dài hạn rất cao. (Bảng 2)

3.3. Xét các biến liên quan đến VNI

ATR cho thấy tác động cùng chiều và đáng kể đến chỉ số chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, VNICap cũng có tác động tương tự đến chỉ số VNI nhưng mức tác động rất nhỏ và không đáng kể.

3.4. Xét các biến vĩ mô

Tỷ giá hối đoái cũng là mối quan hệ tích cực nhưng không đáng kể. Tỷ giá hối đoái của Việt Nam là tỷ giá thả nổi có điều tiết và được điều tiết bởi tỷ giá trung tâm. Do vậy, so với những cặp tỷ giá khác, tỷ giá hối đoái của Việt Nam biến động khá ổn định. Trong dài hạn, biến động tỷ giá ảnh hưởng không đáng kể lên TTCK Việt Nam. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, tỷ giá lại có mối quan hệ ngược chiều ở mức 14,4%, do có sự dịch chuyển nhẹ dòng vốn đầu tư ra khỏi TTCK.

Bảng 2. Kết quả ARDL

Biến	Ước lượng hệ số	Giá trị P*
D_VNI(-1)	0.032	(0.709)
D_GOLDB	-0,0027*	(0.099)
D_GOLDB(-1)	-0,0000125	(0.4342)
D_GOLDB(-2)	0,000254	(0.1553)
ATR	-0.912**	(0.0435)
ATR(-1)	0.674	(0.1882)
ATR(-2)	0.198	(0.6048)
D_RATE	-0.144***	(0.0011)
DEATH	5.894	(0.1019)
NEWC	-0.486***	(0.0000)
NEWC(-1)	0.224**	(0.0264)
OIL	0,000445**	(0.0409)
OIL(-1)	-0,000462**	(0.0321)
RECOCASE	0.195455	(0.2109)
VNICAP	-0,0000029***	(0.0021)
VNICAP(-1)	0,000000129	(0.120)
VNICAP(-2)	0,000000148	(0.058)
C	3.742744	(0.387)
R ²	0.501243	
R ² hiệu chỉnh	0.385095	
Thống kê F	4.315527	
Durbin-Watson stat	2.480343	

Giá dầu và giá vàng lại không có ý nghĩa trong mối quan hệ dài hạn với TTCK Việt Nam. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, nhóm tác giả chưa thể kết luận được tác động của giá dầu còn với mức ý nghĩa 10%, giá vàng lại tác động rất nhỏ và không đáng kể đến TTCK. Điều này có thể được lý giải bởi giá vàng, giá dầu hay tỷ giá cũng đang được áp dụng phương pháp quản lý thả nổi có điều tiết tạo nên sự ổn định giá nhất định.

3.5. Xét các biến liên quan đến Covid-19

Trong dài hạn, ca nhiễm Covid-19 mới có tác động ngược chiều và đáng kể đến VNI ở mức tác động 6.819%. Với 1 ca nhiễm mới tăng thêm, chỉ số VNI giảm 6,819%, ca tử vong do Covid-19 cũng có

tác động ngược chiều nhưng không đáng kể lên VNI ở mức tác động 0,365%, còn số ca mắc Covid-19 hồi phục lại có tác động ngược chiều và đáng kể lên VNI ở mức tác động 2,705%.

Trong ngắn hạn, mỗi ca nhiễm Covid-19 mới tác động tiêu cực ngay đến VNI ở mức 0,48%, sau đó, thị trường đã có sự hồi phục về ngưỡng cân bằng với mức tăng 0,22%. Lý giải cho điều này, ngay từ khi Covid xuất hiện, chính phủ đã có những biện pháp, chính sách kịp thời về cả kinh tế, xã hội. Vì vậy, ngay cả trong ngắn hạn, thị trường vẫn có nhịp hồi phục tích cực và trở lại trạng thái cân bằng. Ngoài ra, xét kết quả nghiên cứu, ta chưa thể kết luận ảnh hưởng của biến DEATH và RECOCASE với chỉ số thị trường trong ngắn hạn.

Với mục tiêu kiểm tra rõ hơn tác động của Covid-19 trên TTCK, cụ thể là tác động của Covid-19 đến các ngành của TTCK, nhóm tác giả sử dụng mô hình hồi quy ước lượng nhỏ nhất (OLS) sau đó kiểm định phương sai sai số để kiểm tra khuyết tật của mô hình. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu hàng ngày của Việt Nam bao gồm chỉ số VN Index và số vốn hóa của các ngành trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/3/2021. (Bảng 3)

3.6. Kết quả hồi quy

Từ kết quả nghiên cứu thấy rằng, R-square của hầu hết các mô hình đều trên 0.5, ngoại trừ mô hình vncons, vncond, vnheal, nghĩa là sự thay đổi của các biến phụ thuộc có thể được giải thích bởi hơn 50% các biến độc lập.

Tổng số ca mắc Covid-19 trên toàn quốc tác động tích cực tới tất cả các ngành trên TTCK. Bên cạnh đó, ca mắc mới được công bố có ảnh hưởng tích cực đến ngành công nghệ thông tin, tiêu dùng nhanh và ảnh hưởng tiêu cực đến ngành công nghiệp. Ngoài ra cũng có thể kết luận, số ca phục hồi ảnh hưởng tiêu cực đến ngành vật liệu xây dựng, còn số ca tử vong ảnh hưởng rất tiêu cực đến ngành tiêu dùng nhanh, vật liệu xây dựng, tài chính và cả dịch vụ tiện ích.

4. Hàm ý chính sách

4.1. Đối với Chính phủ

Một là, triển khai kế hoạch hỗ trợ tổng thể, theo dõi kỹ lưỡng diễn biến của TTCK nhằm phân tích thông tin và đưa ra những chế tài xử lý với những hành vi thao túng, trục lợi. Hai là, tiếp tục quá trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và khuôn khổ pháp luật điều chỉnh. Ba là, cân nhắc việc gia tăng

Bảng 3. Thống kê mô tả vốn hóa các ngành trong TTCK

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Vnfin	268	2031.339	1285.207	121.59	5759.51
Vnmat	268	1114.161	6344.844	63.31	3043.21
Vnind	268	1225.356	711.7682	12.38	5129.44
vncons	268	809.6653	507.5482	239.32	5780.04
Vncond	268	368.6514	165.4494	140.15	1536.23
Vnheal	268	509.3143	7814.742	1.18	127963.3
Vnene	268	214.0335	165.7373	28.67	931.31
Vnuti	268	1225.356	711.7682	12.38	5129.44
Vnreal	268	211.5173	136.8571	45.42	804.8
Vnit	268	1550.6	1314.776	403.78	16858,54

dòng vốn tín dụng từ ngân hàng vào TTCK, đồng thời góp phần cải thiện sức mua, ổn định TTCK. Bốn là, luôn chủ động kịp thời trong việc kiểm chế sự bùng phát của virus, phối hợp cùng với các cơ quan chức năng và đưa ra các giải pháp đồng bộ giúp trấn an nhà đầu tư trên thị trường.

4.2. Đối với nhà đầu tư

Các nhà đầu tư nên chọn cổ phiếu của các công ty tài chính thể hiện hiệu quả và quản trị công ty tốt trong dài hạn, cũng như đa dạng hóa danh mục đầu tư trên cả lĩnh vực tài chính và phi tài chính. Quan trọng hơn, cả nhà đầu tư và cơ quan quản lý nên thận trọng hơn đối với rủi ro sụp đổ của thị trường

chứng khoán khi số trường hợp mắc (hoặc tử vong) tăng lên đáng kể.

4.3. Đối với doanh nghiệp

Một là, các công ty nên có nguồn dự trữ lợi nhuận để tồn tại trong giai đoạn khủng hoảng. Hai là, các doanh nghiệp cần phải cung cấp đầy đủ thông tin tới nhà đầu tư về toàn cảnh rủi ro và kế hoạch nhằm ứng phó trong hoạt động kinh doanh. Ba là, các doanh nghiệp cần phải xem xét việc áp dụng giao dịch tần số cao và thuật toán. Bốn là, các nguyên tắc FSB/IOSCO cần phải được doanh nghiệp thực hiện nhằm quản lý tính thanh khoản và các công cụ khác trong quản lý tài sản ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ashraf, B. (2020). Stock markets reaction to Covid-19: Cases or fatalities? *Research in International Business and Finance*, 54, 1-7.
2. Bakas, D., & Triantafyllou, A. (2020). Commodity price volatility and the economic uncertainty of pandemics. [Online] Available at <https://ssrn.com/abstract=3581193> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3581193>
3. Giri, A. K., Joshi, P. (2017). The Impact of Macroeconomic Indicators on Indian Stock Prices: An Empirical Analysis. *Studies in Business and Economics*, 12(1), 61-78.
4. Goodell, J. (2020). Covid-19 and finance: Agendas for future research. *Finance Research Letters*, 35, p.101512.
5. He, Q., Liu, J., Wang, S. and Yu, J. (2020). The impact of COVID-19 on stock markets. *Economic and Political Studies*, 8(3), 275-288.
6. Dmitry and Kaspar. (2020). *The Big Bang: Stock Market Capitalization in the Long Run*. UK: CEPR Discussion Paper.
7. Sahu, T., Bandopadhyay, K., & Mondal, D. (2014). An empirical study on the dynamic relationship between oil prices and Indian stock market. *Managerial Finance*, 40(2), 200-215.

8. Rittenberg, L. (1993). Exchange rate policy and price level changes: Casualty tests for Turkey in the post-liberalisation period. *The Journal of Development Studies*, 29(2), 245-259.
9. Trần Huy Hoàng (2017). Tác động của giá dầu thế giới đến TTCK và các biến vĩ mô trong nền kinh tế: Trường hợp Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 10, 308-316.
10. Trần Huy Hoàng và Trịnh Hữu Hạnh (2019). Tác động của giá vàng đến TTCK Việt Nam. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 46(56), 39-43.
11. Trương Đông Lộc (2014). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của giá của cổ phiếu: Các bằng chứng từ Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 33, 72-78.
12. Tursoy, T., & Faisal, F. (2018). The impact of gold and crude oil prices on stock market in Turkey: Empirical evidence from ARDL bounds test and combined cointegration. *Resources Policy*, 55, 49-54.

Ngày nhận bài: 9/4/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/5/2022

Thông tin tác giả:

1. KIM HƯƠNG TRANG

Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Ngoại thương

2. NÔNG THỊ QUỲNH THU

Công ty TNHH I-glocal

ANALYZING THE IMPACT OF THE COVID-19 PANDEMIC ON VIETNAM'S STOCK MARKET

● KIM HUONG TRANG¹

● NONG THI QUYNH THU²

¹Faculty of Finance - Banking, Foreign Trade University

²I-glocal Co.,Ltd

ABSTRACT:

This study is to assess the impact of the COVID-19 pandemic on the Vietnamese stock market's industries from March 2020 to March 2021. The study finds out the short-term and long-term effects of macro factors such as exchange rate, oil price, and gold price, and variables representing the COVID-19 pandemic's developments such as the number of new COVID-19 cases, recoveries and deaths on Vietnam's stock market. Based on the study's results, some policy recommendations are made to help the authorities promptly control and protect Vietnam's stock market from unusually volatile events such as the COVID-19 pandemic, and help investors identify the volatility trend of the stock market to make appropriate investment decisions.

Keywords: Covid-19, stock market, sectoral index, Vietnam, ARDL.